

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM KHI THAM GIA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ThS. PHẠM QUỐC VINH*

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế, nền nông nghiệp nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, ổn định tình hình chính trị của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, bên cạnh những cơ hội giúp nền nông nghiệp phát triển thì cũng có không ít khó khăn, thách thức đặt ra như: năng suất thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, không đồng đều... Điều đó cho thấy sự cần thiết phải có những chính sách mới đối với ngành Nông nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Quá trình đổi mới chính sách đối với ngành Nông nghiệp Việt Nam

Năm 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), Đảng ta khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, trong đó trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời chủ trương thực hiện đẩy mạnh ba chương trình mục tiêu lớn về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị khóa VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (viết tắt là Nghị quyết 10). Đây là nghị quyết có sức đột phá lớn, có tác động lan tỏa tích cực nhiều mặt đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam.

Nghị quyết 10 đã kế thừa và phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội trên "mặt trận" nông nghiệp qua các thời kỳ. Đó là các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn từ Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương

khóa IV; Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (viết tắt là Khoán 100); và quan trọng nhất là những vấn đề lý luận trong đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp được trình bày trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng năm 1986.

Sau Nghị quyết 10, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chính sách, pháp luật đổi mới quản lý nông nghiệp, như: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ngày 29/3/1989 về bỏ nghĩa vụ thu mua lương thực, thực phẩm theo giá thấp, thực hiện cơ chế một giá, lưu thông lương thực tự do; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) về đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng (năm

* Học viện Hành chính Quốc gia

1996) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trọng tâm là trong nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm gần đây, chính sách phát triển nông nghiệp tiếp tục được đề cập và nhấn mạnh tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế; Kết luận của Bộ Chính trị và Đề án tái cơ cấu nền kinh tế, Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp; Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó nêu rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Những thành tựu và hạn chế của ngành Nông nghiệp hiện nay

Có thể nói, sau hơn 30 năm đổi mới, với những chính sách đúng đắn đối với phát triển nông nghiệp, ngành Nông nghiệp Việt Nam đạt được mức tăng trưởng nhanh và ổn định trong một thời gian dài, theo đó, các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản đều có tốc độ phát triển đáng kể. Nếu như năm 1986, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 65,1 nghìn tỷ đồng thì đến năm 2005 đã đạt 182 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 2,8 lần) và đến năm 2014 đạt khoảng 830 nghìn tỷ đồng, trong đó: nông nghiệp đạt 617,5 nghìn tỷ đồng; lâm nghiệp đạt 23,9 nghìn tỷ đồng; thủy sản đạt 188,6 nghìn tỷ đồng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 đạt mức tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó khu vực nông, lâm

ng nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, đóng góp 0,61% tăng trưởng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đã có bước tiến vượt bậc. Năm 1986, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 400 triệu USD, đến năm 2007 đã đạt tới 12 tỷ USD, năm 2014 đạt 30,86 tỷ USD. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao như: gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hồ tiêu, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản... tăng nhanh và đứng nhóm hàng đầu thế giới.

Tuy đạt được những thành tựu và đóng góp đáng kể, song nhìn chung, nền nông nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức, hạn chế:

Một là, nền sản xuất nông nghiệp phát triển còn tự phát, thiếu bền vững, một số yếu tố ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng nông nghiệp có xu hướng tăng, nhất là đất dành cho nông nghiệp (mỗi năm giảm trên 70 nghìn ha) nhưng phân tán, manh mún, gây trở ngại cho quá trình sản xuất. Mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp chưa chặt chẽ, chưa có khung pháp lý chặt chẽ cho sự liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Vai trò của kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu hợp tác sản xuất của các hộ nông dân; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và những rủi ro của dịch bệnh đối với sản xuất vẫn khó lường.

Hai là, cơ cấu nông nghiệp còn chuyển dịch chậm, trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nội ngành Nông nghiệp (năm 2007 - 2008 còn chiếm 75% trong cơ cấu toàn ngành Nông nghiệp, đến 6 tháng đầu năm 2010 vẫn chiếm trên 73%). Trong cơ cấu sản xuất trồng trọt, nhóm cây lương thực vẫn chiếm chủ yếu (năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010 vẫn chiếm 58%). Sản xuất chưa gắn với các cơ sở chế biến công nghiệp. Việc hình thành và xây dựng các vùng nguyên liệu cho chế biến công nghiệp tiến hành chậm, còn phân tán, hiệu quả

thấp. Phần lớn các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay còn chưa có thương hiệu, mẫu mã bao bì đơn điệu, chất lượng sản phẩm chưa cao, thiếu ổn định, tiềm tàng nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Ba là, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản thấp. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ để tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi còn thấp. Phần lớn nông sản xuất khẩu ở dạng thô và sơ chế, chưa có thương hiệu, mẫu mã bao bì kém và chưa phù hợp với thị trường nên thường đạt giá trị gia tăng thấp so với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực.

Bốn là, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm. Chất lượng, năng suất và thu nhập của lao động nông nghiệp còn thấp, sản xuất của nông hộ còn manh mún. Tổng số hộ chuyên sản xuất nông nghiệp hiện còn trên 10,7 triệu hộ, chiếm trên 86% số hộ. Chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ còn khá chậm, mỗi năm đạt chưa đến 2%. Chất lượng lao động nông thôn chưa được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo rất thấp. Lao động đang làm nông nghiệp chủ yếu là phụ nữ, người lớn tuổi. Tình hình trên đã làm cho lao động ở nông thôn ngày càng "già" hóa.

Năm là, quan hệ sản xuất chậm được đổi mới, mô hình doanh nghiệp và kinh tế trang trại có quy mô lớn, hiệu quả cao phát triển chậm. Kinh tế tập thể mà chủ yếu là các hợp tác xã, tổ hợp tác còn thiếu động lực, hầu hết còn hình thức và chưa có môi trường tốt để phát triển hiệu quả.

Sáu là, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa bảo đảm phát triển bền vững. Việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp thời gian qua chỉ chú trọng đến khía cạnh kinh tế, các vấn đề xã hội và bảo

vệ môi trường chưa nhận được sự quan tâm đúng mức. Môi trường nông thôn đang bị ô nhiễm, chất thải công nghiệp, đô thị đang dồn về nông thôn, ảnh hưởng nặng đến điều kiện sống của nông dân, nhất là ở ven đô thị và khu công nghiệp, cạnh các làng nghề.

Bảy là, thiếu cơ chế bảo hiểm rủi ro cho chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Với cơ chế như hiện nay, hầu như toàn bộ rủi ro trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, người nông dân tự phải gánh chịu. Với điều kiện sản xuất quy mô nhỏ, vốn ít, đòi hỏi phải có cơ chế bảo hiểm để giảm bớt và chia sẻ rủi ro cho người nông dân giúp họ có động lực mạnh hơn trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

Tám là, bất cập trong công tác chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Ngày nay, khoa học và công nghệ đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Tuy nhiên, thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam chậm được hình thành, thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh. Lực lượng cán bộ khoa học đông nhưng không mạnh, hệ thống khuyến nông chưa đủ mạnh để chuyển giao kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Đây chính là những nguyên nhân dẫn đến việc cán bộ nghiên cứu ít có cơ hội tiếp cận với cán bộ khuyến nông và nông dân, cùng với đó là khả năng tiếp nhận và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp của người nông dân còn hạn chế do trình độ, kỹ năng, tay nghề.

3. Một số giải pháp đổi mới chính sách đối với ngành Nông nghiệp

Để ngành Nông nghiệp phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế

quốc tế, cần phải có đổi mới về chính sách cho ngành Nông nghiệp, đó là:

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp cần phải dựa trên quy hoạch phát triển sản xuất gắn với nhu cầu thị trường về hàng hóa nông sản. Quy hoạch nông nghiệp là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn cho nông nghiệp. Trên thực tế, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn tự phát, chưa thực sự có chiến lược, định hướng phát triển dựa trên việc khai thác lợi thế so sánh và dự báo thị trường. Vì vậy, quy hoạch phát triển nông nghiệp cần được xây dựng, điều chỉnh, tạo cơ sở cho việc xây dựng cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý. Thông qua việc rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất, xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hóa kết hợp với chế biến để trở thành những vùng kinh tế động lực. Để làm được điều này, cần đánh giá một cách chính xác những nguồn lực liên quan để có cơ sở xây dựng quy hoạch các ngành sản xuất đáp ứng yêu cầu tái cấu trúc nền nông nghiệp.

Thứ hai, tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh. Trong xu thế người tiêu dùng ngày càng ưu tiên nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc tiêu dùng nông sản sạch, bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cần tăng cường ứng dụng tiến bộ về khoa học, công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ chế biến. Đối với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi vùng, miền, cần lựa chọn những tiến bộ kỹ thuật phù hợp với từng địa phương, phù hợp với khả năng tiếp nhận của người sản xuất.

Thứ ba, nâng cao năng lực gia nhập thị trường của người nông dân. Cần trang bị cho nông dân những kiến thức cơ bản trong sản xuất nông nghiệp như hướng dẫn những kỹ năng, kỹ thuật sản xuất, canh tác mới nhất, hướng dẫn nông dân xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả,... Bồi dưỡng kiến thức trong kinh doanh cho nông dân như: kiến thức về tiếp cận thị trường và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của nó; kiến thức về marketing, giới thiệu sản phẩm; những kiến thức về thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký cho thương hiệu nông sản hàng hóa,...

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách thể chế, cơ chế chính sách. Trong điều kiện hiện nay, để nông nghiệp phát triển bền vững cần phải đẩy mạnh cải cách cơ chế, chính sách theo hướng xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, phát triển bền vững để chủ động trong hội nhập quốc tế, thúc đẩy tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; chủ động tham gia đàm phán và thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các điều khoản cam kết, hợp tác về khoa học - kỹ thuật, thương mại, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Tranh thủ nguồn vốn ODA, FDI đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các nguồn tài trợ cho chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu □

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Văn Phúc, Phạm Minh Chính. *Hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm nhìn lại*. H. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2015.
2. Nguyễn Văn Giàu. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay*. <http://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 29/6/2015.
3. Nguyễn Sinh Cúc, Phạm Mai Ngọc. *Sức sống về lý luận và thực tiễn của Nghị quyết 10, Bộ Chính trị khóa VI trong 25 năm qua*. <http://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 02/01/2014.